

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HS-ST

Ngày 26/12/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tòa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nhâm Đức Hùng**

2/ Bà **Trần Minh Nhựt**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Vương- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 63/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2022, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Danh C, sinh ngày 01/01/1982 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh G; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 1/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Danh U, sinh năm 1955 và bà Thị T; sinh năm 1961; Vợ tên Hoàng Thị L, sinh năm 1969 và có 01 người con sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2022 (bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại: Ông **Huỳnh Minh N**; sinh năm 1978 (Có mặt)

Trú tại: Số 105/7 Lê Quý Đ, phường B, thành phố G, tỉnh G.

Người làm chứng:

1/ Chị **Lê Thanh D**, sinh năm 1975 (Có mặt)

Trú tại: Số 105/7 Lê Quý Đ, phường B, thành phố G, tỉnh G.

2/ Ông **Danh U**, sinh năm 1955 (Có mặt)

Trú tại: Khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 22 tháng 11 năm 2021, Danh C, (sinh ngày: 01/01/1982 nơi cư trú. Khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh G) do không có tiền tiêu xài nên đã nảy sinh ý định đi tìm Tiệm mua bán xe mô tô cũ để giả làm khách mua xe, rồi yêu cầu chạy thử xe, sau đó chiếm đoạt tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định trên, Cảnh đi xe honda ôm đến cửa hàng mua bán xe mô tô cũ “NAM” của ông Huỳnh Minh N tại ấp T, xã H, huyện T, tỉnh G. Tại đây, C giả vờ xem qua một số chiếc xe mà ông N trưng bày. Sau đó, C yêu cầu ông N cho xem chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại sirius, màu xám đen, biển số kiểm soát 68D1-141.57 và giấy tờ xe. Sau khi xem xe xong C trả lại giấy tờ và hỏi chiếc xe trên có giá bao nhiêu. Ông N nói chiếc xe mô tô trên có giá 9.000.000 đồng.

Lúc này, Cảnh yêu cầu ông N cho C chạy thử xe để xem tình trạng hoạt động của xe thì ông N đồng ý. C liền lên xe khởi động máy rồi điều khiển chiếc xe mô tô, biển số kiểm soát 68D1-141.57 chạy thẳng lên Thành phố M để tìm nơi bán xe. Khi đến địa phận Thành phố M, C gặp và bán xe cho một người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch với số tiền 3.500.000 đồng. Số tiền này C tiêu xài cá nhân hết. Ông N sau khi thấy C chạy đi nhưng không quay lại đã đến cơ quan công an huyện Châu Thành trình báo sự việc.

Sau đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã tiến hành mời C về Cơ quan Công an để làm việc. Tại đây, C đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 11/L-HĐDGTS ngày 14 tháng 04 năm 2022 của Hội đồng thẩm định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện Châu Thành kết luận:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại sirius, màu xám đen, số khung: 6107Y041939, số máy 5C61-041939, biển số 68D1-141.57, thời điểm định giá là tháng 11/2021, có giá trị là 7.666.700 đồng (bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn bảy trăm ngàn đồng).

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội làm đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đã khắc phục hậu quả cho bị hại xong.

* *Về vật chứng thu giữ trong vụ án:* Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ vật chứng của vụ án.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Sau khi vụ án xảy ra, bị hại là anh Huỳnh Minh N yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt với số tiền 7.666.700 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường. Hiện tại, ông Danh U (Cha ruột của C) đã thay mặt bị cáo bồi thường cho bị hại xong và bị hại không yêu cầu gì thêm.

Đối với người đàn ông đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại sirius, màu xám đen, biển số kiểm soát 68D1-141.57 do C bán. Do hiện tại không biết họ tên địa chỉ cụ thể của người này nên chưa thể làm việc được. Khi nào làm việc được với người này sẽ tiến hành xử lý sao.

Tại bản cáo trạng số: 64/CT-VKS-CT ngày 26/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Danh C về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Danh C phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Danh C** từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo được nói lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 22 tháng 11 năm 2021, vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên Danh C đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định trên C đi đến Tiệm mua bán xe mô tô củ “NAM” của

ông Huỳnh Minh N tại ấp T, xã H, huyện T, tỉnh G. Tại đây, C giả làm khách mua xe để chạy thử chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại sirius, màu xám đen, biển số 68D1-141.57 rồi chiếm đoạt luôn chiếc xe trên. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 7.666.700 đồng (bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn bảy trăm ngàn đồng).

Đôi chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 174 bộ luật hình sự thì “*Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ...*”. Như vậy, với hành vi gian dối để chiếm đoạt xe của bị hại đem đi bán lấy tiền tiêu xài của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như đã viện dẫn như trên.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những trực tiếp xâm hại đến tài sản thuộc sở hữu của người khác mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo là người trưởng thành nên có năng lực, nhận thức rõ hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Thế nhưng chỉ vì lười lao động mà lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo đã nghĩ ra cách đi đến tiệm mua bán xe mô tô củ “NAM” của ông Huỳnh Minh N giả làm khách mua xe để chạy thử chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại sirius, màu xám đen, biển số 68D1-141.57 rồi chiếm đoạt luôn chiếc xe trên. Hành vi phạm tội của bị cáo không những gây ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống vật chất của người bị hại được pháp luật tôn trọng và bảo vệ mà còn gây bất an cho quần chúng nhân dân, tạo dư luận xấu trong xã hội nên hành vi này cần phải được xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo tốt không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị cáo đã bồi thường thiệt hại xong cho người bị hại; bị cáo là người dân tộc thiểu số nên việc am hiểu pháp luật có phần hạn chế và tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét khi lượng hình là phù hợp.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[7] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Không có

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt với số tiền 7.666.700 đồng, bị cáo đã bồi thường xong và bị hại không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Danh C phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Danh C **06 (sáu) tháng** tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 09/8/2022.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử buộc bị cáo Danh C phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Công An huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Nguyễn Thanh Phong